

THƯƠNG SƠN THI THOẠI - MỘT TÁC PHẨM ĐỘC ĐÁO

Nguyễn Thanh Tùng

Thương Sơn thi thoại (倉山詩話) là một trong số ít những cuốn thi thoại của Việt Nam. Riêng trong văn học trung đại Việt Nam, với sự hiếm hoi của thể tài thi thoại, *Thương Sơn thi thoại* nghiêm nhiên trở thành cuốn thi thoại duy nhất hiện còn.⁽¹⁾ Thế nhưng, cho đến nay, cuốn thi thoại này vẫn chưa được nhiều độc giả biết tới một cách trọn vẹn cũng như chưa được khai thác một cách triệt để. Điều nghịch lý là tác phẩm này lại được hiệu điểm, chế bản điện tử và giới thiệu ra nước ngoài một cách tương đối bài bản, toàn diện hơn ở trong nước.⁽²⁾ Đây là điều khiến chúng tôi trăn trở bấy lâu và mong muốn có một bản dịch hoàn chỉnh tác phẩm này để giới thiệu với độc giả, chủ yếu là độc giả đọc tiếng Việt. Và đến nay, công việc đó cơ bản hoàn thành để chúng tôi có cơ hội có lời giới thiệu sau đây.

1. Sơ lược về tình hình văn bản của *Thương Sơn thi thoại*

Thương Sơn thi thoại hiện chỉ có duy nhất một văn bản, được chép chung với một tài liệu khác mang tên *Thế thuyết tân ngữ bổ* (世說新語補), thành một tập sách ký hiệu VHv.105 của Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm Việt Nam.⁽³⁾ Sách gồm 56 tờ (111 trang) chép tay trên giấy dó còn mới đã in sẵn cột, khổ giấy 28x17cm; chữ viết lối hành thư, đá thảo thư khá đẹp, nhìn chung không quá khó đọc. Mỗi tờ được chia làm 9 cột đều nhau, mỗi cột chép khoảng 25-26 chữ Hán. Rốn sách ghi rõ nơi tàng bản là “Long Cương tàng bản - 龍岡藏板”. Điều đó cho thấy đây chính là một trong những sách mà Cao Xuân Dục 高春育 (1842-1923)⁽⁴⁾ đã thuê người chép trên giấy in sẵn khung cột, để lưu giữ trong thư viện của gia đình mình. Bìa sách chép “Thế thuyết phụ *Thương Sơn thi thoại*” (世說附倉山詩話). Phần *Thế thuyết tân ngữ bổ* từ tờ 1 đến tờ 36 (72 trang). Vì sao có sự lắp ghép *Thế thuyết tân ngữ bổ* và *Thương Sơn thi thoại*? Theo Lưu Ngọc Quân dẫn *Tứ khố toàn thư tổng mục*, đây là bản sao sách *Thế thuyết tân ngữ bổ* do Hà Lương Tuấn, người đời Minh soạn và bổ sung, Vương Thế Trinh san định.⁽⁵⁾ *Thương Sơn thi thoại* bắt đầu từ tờ 37a cho đến hết tờ 56a (39 trang). Miên Thẩm thường đọc các sách thời Minh-Thanh, rất có thể có đọc *Thế thuyết tân ngữ bổ*, sự lắp ghép *Thế thuyết tân ngữ bổ* và *Thương Sơn thi thoại* có lẽ bắt nguồn từ cơ duyên đó chăng? Hoặc cũng có thể đây là một sự lắp ghép “thô thiển”, “cơ giới” của những người chép sách đời sau? Những câu hỏi như thế vẫn còn đó bởi cho đến nay, vấn đề truyền bản văn bản này chưa được tường minh, chứa đựng nhiều ẩn số.

Xét phần văn bản *Thương Sơn thi thoại*, cột 1 tờ 37a chỉ ghi “Thương Sơn thi thoại” (倉山詩話) với cỡ chữ bình thường không khác phần chính văn, cột 2 ghi “Bạch Hào Tử trước” (白毫子著) với cùng cỡ chữ. Bắt đầu từ cột thứ 3 là chính văn của tác phẩm, kéo dài cho đến hết tờ 56a. Chính văn của sách

được quy ước chia thành các điều bằng cách “ngắt cột”, có nội dung tương đối độc lập thường thấy trong các cuốn thi thoại Trung Hoa. Theo cách quy ước đó, *Thương Sơn thi thoại* bao gồm khoảng 55 điều, ngắn thì một dòng, dài thì 1-2 trang (chữ Hán).

Theo như xuất xứ nơi lưu trữ thì văn bản này có lẽ được chép vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, nhờ công của vị Quốc Sử Quán Tổng tài triều Nguyễn Cao Xuân Dục. Xét cách tỵ hứ trong văn bản, ta thấy có hiện tượng sau:

Sách kiêng các chữ trọng húy triều Nguyễn, kéo dài cho đến đời Thành Thái, như: “Ánh” (映) [húy vua Gia Long]; “Thật” (實) [tên Gia Long đặt cho bà Hồ Thị Hoa, vợ vua Minh Mệnh]; “Miên” (綿), “Tông” (宗) [húy vua Thiệu Trị], “Thì” (時) [húy vua Tự Đức], “Chiêu” (昭) [húy vua Thành Thái],... Cụ thể, chữ “Ánh” (映) (trong tên thi nhân Ngao Ánh đời Minh) được viết bớt nét giữa bộ “nhật” (日) [44b2]. Chữ “Thật” (實) được viết là “thực” (寔) [37b9, 39b3,...], hoặc viết bớt nét sổ giữa trong chữ “thật” (實) [38b2, 38b8,...]. Chữ “Tông” (宗) có kiêng húy trong cách viết tên, nhất loạt đổi ra “Tôn” (尊), ví dụ: [Nguyễn] Duệ Tôn, Hiễn Tôn, Thế Tôn [tờ 39b], Trần Duệ Tôn [tờ 49b], Lê Thánh Tôn [tờ 51a],... Có trường hợp chữ “Tông” (宗) bị lược đi, như tên thi nhân Hứa Tông Lỗ (許宗魯) (1490-1559) đời Minh được viết là Hứa Lỗ (許魯), bỏ “Tông” [45a6]. Các chữ “Thì” (時) nhất loạt đổi ra “thần” (辰). Chữ “Chiêu” (昭) (tên Vi Chiêu [42a3], Chiêu Quân [44a3]) được viết bớt nét giữa bộ “nhật” (日). Chữ “chiếu” (照) có thiên bằng là chữ “chiêu” cũng được viết kiêng húy tương tự như chữ “Chiêu” (昭) [49a4, 40b7]. Tuy nhiên, một số chữ húy (chính tự hoặc đồng âm) lại không được viết húy. Chẳng hạn, các chữ húy không phải là trọng húy không được kiêng húy: “Lan” (蘭) [tên húy vợ cả vua Gia Long] [tờ 49b], “Hoa” (華) [tên húy bà Hồ Thị Hoa] [48b9, 49a1, 49a3, 51a3; 44a2, 53a2,...], chữ “Hương” (香) [tên húy mẹ nuôi vua Kiến Phúc] không được viết kiêng húy. Chữ “Ánh” (映) [tờ 49b2] đồng âm với “Ánh” (映) lại không được viết kiêng húy. Chữ “chiêu” (招) [37a5, 37a9, 43a7,...], chữ “chiếu” (詔) [39a9] đồng âm/ cận âm với “Chiêu” (昭) cũng không được viết kiêng húy. Chữ “miên” (緜) đồng âm [“miên” (緜)] không được viết kiêng húy [44a2, 53b1],... Các chữ đồng âm với chữ “Chân” (禪) là chính húy của cha vua Thành Thái cũng không viết kiêng húy, như “chân” (真) [39b2, 46b2]. Ngay các chữ đồng âm với chữ “Lân” (麟) [là chính húy của vua Thành Thái] là “lân” (憐 [41b6, 42a1,...42a3], 隣 [39b7, 55a1], 隣 [41b1],...) cũng không được viết kiêng húy. Cũng có chữ húy nửa được viết kiêng húy, nửa lại không. Chẳng hạn, chữ “Miên” (綿) trong chính văn có lúc viết kiêng húy bằng cách bớt nét giữa chữ “bạch” (白) [37b4, 48a3], có lúc lại không [47b6], còn ở các cước chú của ai đó trong văn bản thì hoàn toàn không viết kiêng húy [44a3, 44a7]. Căn cứ vào tình hình viết kiêng húy trong văn bản như đã mô tả, có thể thấy sách sớm nhất được chép vào đời Thành Thái (1889-1907) hoặc muộn hơn, khi lệ kiêng húy không còn khe khắt như trước nữa. Bởi theo các nhà nghiên cứu chữ húy Việt Nam, định lệ kiêng húy đời Thành Thái không được chặt chẽ lắm, nhất là không yêu cầu kiêng húy đồng âm [của các vua tiền triều], các chữ không phải là trọng húy, nên dễ hiểu có sự thiếu chặt chẽ nêu trên. Chẳng hạn, ngay cuốn sách *Quốc triều khoa bảng lục* của Cao Xuân

Dục được khắc in năm Thành Thái Giáp Ngọ (1894), “Long Cương tàng bản” cũng đã bỏ sót không kiêng húy một số chữ “Chân”.⁽⁶⁾

Theo ghi chép ở đầu văn bản (“Bạch Hào Tử trước”) và trong suốt nội dung của tác phẩm, thì tác giả của *Thương Sơn thi thoại* chính là Tùng Thiện Vương Nguyễn Phúc Miên Thẩm (1819-1870). Miên Thẩm nổi tiếng là một nhà văn uyên bác và là một “nhất đại thi ông” (nhà thơ lớn bao trùm một thời) [theo Nguyễn Phúc Miên Trinh]. Ông là chủ soái của thi xã Mặc/Tùng Vân - thi xã lớn nhất thời Nguyễn. Miên Thẩm hầu như chỉ sáng tác thơ chữ Hán với số lượng rất lớn (khoảng hơn 2.200 bài) chủ yếu được in trong bộ *Thương Sơn thi tập*. Thơ Miên Thẩm chịu ảnh hưởng lớn từ “cách điệu” và “thần vận” thơ Đường nhưng vẫn giữ được bản lĩnh, tầm vóc riêng biệt của một đại thi gia. Thơ Miên Thẩm có nội dung khá phong phú nhưng hầu hết không nằm ngoài các chủ đề quen thuộc, mang tính “tao nhả” của thơ ca trung đại (cảm hoài, ngôn chí, thù tạc, vịnh cảnh, vịnh vật, thiên vị, thiên thú,...), chứa đựng tình thần yêu thiên nhiên, đất nước, chân thành với bè bạn và chí hướng thanh cao, lãng mạn. Bên cạnh đó, có một số tác phẩm mang tính hiện thực, tính xã hội, phản ánh đời sống thống khổ của người dân và sự cảm thông của tác giả (*Mại trúc dao, Phù lưu tiên hành, Kim hộ thán, Bộ hổ từ,...*); một số ít tác phẩm nữa thể hiện sự thao thức, dằn vặt trước những biến cố lớn lao của đất nước (*Độc Nguyễn Đình Chiểu Diếu nghĩa dân trận tử Quốc ngữ văn, Tống Lương từ, Mại chỉ y, Khiển sầu,...*); một số thể hiện tâm sự u uẩn trong đời tư tác giả (*Quỷ khóc hành, Tuế án độc tọa khiển muộn, Tuyết bút từ,...*). Dù viết về chủ đề nào, thơ Miên Thẩm cũng thể hiện một phong cách tài hoa, uyên bác và lão luyện. Thơ Miên Thẩm được người đương thời hết sức xưng tụng. Còn văn của Miên Thẩm thì có tiếng là cổ kính, lão luyện, uyên bác (xem *Thương Sơn ngoại tập*). Có lẽ, nhờ nền tảng học vấn và tài năng thơ ca như vậy, Miên Thẩm mới có thể viết được *Thương Sơn thi thoại*.

Có điều ngạc nhiên là, theo tư liệu chúng tôi nắm được, hầu như không có cuốn sách chữ Hán nào ghi chép việc Miên Thẩm viết *Thương Sơn thi thoại*, ngay cả những sách tập hợp trước tác của ông do con cháu làm như *Thương Sơn ngoại tập* (倉山外集),⁽⁷⁾ *Thương Sơn thi tập* (倉山詩集) v.v..⁽⁸⁾ Các sách tiếng Việt thì đề cập đến thông tin này tương đối muộn. Cho đến giữa thế kỷ XX, dường như chưa có sách tiếng Việt nào đề cập đến tác phẩm này cũng như tác giả của nó. Chẳng hạn, cuối những năm 30 của thế kỷ XX, khi hoàn thành bộ *Chương Dân thi thoại* (1936), Phan Khôi từng tự tin khẳng định: “Xứ ta đây, người ta biết làm thơ chữ Hán từ hồi nhà Lý nhà Trần. Song le từ đó đến giờ chưa hề có ai làm một bộ thi thoại nào bằng chữ Hán hết. Ấy là theo như tôi biết. Hoặc giả có bộ nào mà tôi chưa thấy chẳng. Nhưng nếu có thì cũng chỉ một hay hai bộ là cùng. Mà có lẽ không có bộ nào hết; vì nếu có thì tôi tuy chưa thấy chứ cũng không nghe, có lẽ nào không nghe tron? Trước đây tôi có viết *Nam âm thi thoại* mà đăng trong *Nam phong*, trong *Đông Pháp thời báo*, trong *Phụ nữ tân văn*. Nhưng lâu nay tôi không có thể viết tiếp mà đăng nữa. Sự thực, trong nước ta phải kể bộ thi thoại này ra đời lần thứ nhất, mà mới chỉ có một mình

nó mà thôi. Tôi để tên nó là *Nam âm thi thoai* mà không để *Chương Dân thi thoai* là vì chỉ có một mình nó, không sợ lộn với của ai hết. Xứ ta, thi thoai bằng chữ Hán đã không có, mà còn bằng chữ Việt cũng mờ mờ, ấy chẳng có cơ gì lạ hơn là xứ ta ít có thơ, không đủ tài liệu cho người muốn làm thi thoai” (XLII).⁽⁹⁾ Lưu ý rằng, *Chương Dân thi thoai* được in ngay ở Huế (nhà in Đắc lập), vậy nhưng Phan Khôi hoàn toàn không biết đến sự tồn tại của *Thương Sơn thi thoai*. Và dường như, các độc giả của *Chương Dân thi thoai* cũng không có phản ứng gì trước khẳng định của Phan Khôi. Ở những năm 40, 50 của thế kỷ XX, tình hình vẫn không có gì khác. Phải đến thập niên 60 của thế kỷ XX tác phẩm mới dần được biết đến.

Theo Nguyễn Văn Hoàn, những năm 60 của thế kỷ XX, Viện Văn học Việt Nam đã tổ chức biên dịch một số tác phẩm của Miên Thẩm, trong đó *Thương Sơn thi thoai* được trích dịch một phần (do các nhà Hán học lão thành như Hoàng Tào, Phạm Đề, Nguyễn Văn Huyền... thực hiện). Người đầu tiên sử dụng các tư liệu đó vào nghiên cứu con người và sự nghiệp Miên Thẩm là Trần Thanh Mai.⁽¹⁰⁾ Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, uẩn khúc, các phần dịch cũng như nghiên cứu này chưa từng được công bố rộng rãi, chỉ tồn tại dưới dạng bản thảo (có con đường lưu lạc cũng rất ly kỳ) nên rất ít người biết đến và sau này thì thất lạc nên khi *Trần Thanh Mai toàn tập* ra đời (2005), công trình đã không còn.⁽¹¹⁾ Theo phạm vi tài liệu chúng tôi bao quát được, tài liệu tiếng Việt đầu tiên được công bố rộng rãi đề cập đến *Thương Sơn thi thoai* có lẽ là bộ *Thư mục Hán Nôm* (9 tập) do Ban Hán Nôm - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam biên soạn vào những năm 1969-1973.⁽¹²⁾ Sở dĩ đến khoảng lúc bấy giờ người ta mới biết đến *Thương Sơn thi thoai* là vì từ trước đó *Thương Sơn thi thoai* dường như vẫn nằm im trên giá sách trong Thư viện Long Cương của dòng họ Cao Xuân tại Nghệ An. Những năm 50 của thế kỷ XX, khi cụ Cao Xuân Huy quyết định hiến tặng một phần số sách trong Thư viện Long Cương cho nhà nước⁽¹³⁾ thì tác phẩm này mới được bước đầu khai thác, rồi được giới thiệu sơ lược trong các bộ thư mục Hán Nôm. Năm 1978, tác phẩm được nhắc qua trong *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX* của Nguyễn Lộc (1978) sau đó đi vào *Từ điển văn học* (1984)⁽¹⁴⁾ và một vài công trình văn học sử khác. Nhìn chung, cho đến cuối thế kỷ XX, *Thương Sơn thi thoai* chưa được quan tâm nhiều và cũng ít có điều kiện để xuất hiện trước công chúng, một phần chứ chưa nói là toàn vẹn. Phải sang đầu thế kỷ XXI, *Thương Sơn thi thoai* mới ngày càng được chú ý ở nhiều phương diện (khảo cứu văn bản, nghiên cứu giá trị, công bố...). Đi đầu là hai học giả Trung Quốc (Vương Tiểu Thuần và Hà Thiên Niên) với bài *Việt Nam cổ đại thi học thuật lược* (2002),⁽¹⁵⁾ và đặc biệt là bài *Việt Nam cổ đại thi học đích thực quả - Thương Sơn thi thoai* (2004)⁽¹⁶⁾ đã sơ bộ khảo sát văn bản, đồng thời khai thác giá trị tư tưởng thi học và công bố toàn văn nguyên bản chữ Hán của *Thương Sơn thi thoai*. Tiếp đó là Nguyễn Đình Phúc với các bài *Nguyễn Miên Thẩm dữ thần vận thi học* (2006),⁽¹⁷⁾ *Về bài Tự tụng Phổ thi tập của Miên Trinh* (2006),⁽¹⁸⁾ *Ảnh hưởng của thuyết thần vận đời Thanh vào lý luận thơ ca chữ Hán triều Nguyễn...*⁽¹⁹⁾ Bản thân chúng tôi từ năm 2007 đến nay cũng đã đặc biệt quan tâm đến văn bản này từng bước

nghiên cứu toàn diện tác phẩm với một số bài viết, công trình như: *Vài nét về văn bản và giá trị của Thương Sơn thi thoai* (2007),⁽²⁰⁾ *Vài nét về thuyết tính linh trong tư tưởng thi học Việt Nam thời trung đại* (2008),⁽²¹⁾ *Lược khảo về thi thoai Việt Nam* (2009),⁽²²⁾ *Sự phát triển tư tưởng thi học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX* (2010)...⁽²³⁾ Để phục vụ cho các công trình nghiên cứu của mình, chúng tôi đã từng bước hiệu khảo và biên dịch toàn bộ văn bản *Thương Sơn thi thoai*. Năm 2008, khi thực hiện đề tài *Lịch sử lý luận và phê bình văn học Việt Nam* (2007-2009),⁽²⁴⁾ nhóm Trịnh Bá Đình cũng đã quan tâm đến bản dịch *Thương Sơn thi thoai* của chúng tôi và cho in nó vào phần phụ lục công trình nghiên cứu của nhóm mình v.v... Điều đó cho thấy giá trị, tầm vóc của *Thương Sơn thi thoai* ngày càng được phi lộ và phát huy tác dụng của nó. Nhu cầu xuất hiện một bản dịch toàn văn *Thương Sơn thi thoai* được công bố rộng rãi vì thế cũng đã chín muồi.

Trở lại vấn đề văn bản tác phẩm, có hai câu hỏi được đặt ra là: 1) Tác quyền của Miên Thẩm liệu có tin cậy khi mà bản thân tác phẩm hiếm khi được ông và con cháu nhắc đến? 2) Vì sao một công trình có giá trị như *Thương Sơn thi thoai* từ khi ra đời cho đến cuối thế kỷ XX lại ít được nhắc đến như là một trước tác quan trọng của Miên Thẩm như vậy? Đây là những câu hỏi không dễ trả lời. Tuy nhiên, theo chúng tôi, ở một mức độ nhất định, vẫn có thể trả lời được những câu hỏi đó.

Trước hết, về tác quyền của Miên Thẩm đối với *Thương Sơn thi thoai*, chúng ta có thể tin cậy được ghi chép trong văn bản bởi những lý do sau đây:

- Trong sách có ghi chép khá nhiều những thông tin cá nhân mà phải chính người trong cuộc như Miên Thẩm mới có thể viết ra được. Đó là những đoạn “tự thuật” khá chi tiết, sinh động. Chẳng hạn, “Cơ ngơi riêng của ta nằm ở bờ nam Sông Hương, mặt tây hướng ra cửa sông, lại từ phía tây rẽ sang đông, ngoảnh về nam là chỗ ở của chị An Thường, quay sang đông là chỗ ở của em Hải Ninh. Mấy nơi đều có thủy đình, làm chỗ uống trà, [mấy câu thơ trên] là ghi chép sự thực” [tờ 37b]; hoặc: “Đêm trăng, ta đến dinh thự của ông Phan Lương Khê, sai tiểu đồng vào trước báo tin. Ông đang cùng phu nhân ăn uống. Tiểu đồng trở ra, [ta] bảo nó không được làm kinh động đến ông và phu nhân, rồi đứng ngoài cửa chờ. Khi ăn xong bèn vào. Trước án vừa có bút mực, đùa viết rằng: [...]. Ông ôm bụng cười lớn, lập tức sai pha trà để an ủi” [46a] v.v... Những sự kiện, chi tiết đó xảy ra ở những mốc thời gian cụ thể như năm Ất Tỵ (1845), Thiệu Trị thứ 6 (1846), năm Giáp Dần (1854) v.v... Nội dung, văn phong của tác phẩm cũng rất gần gũi với các tác phẩm khác của Miên Thẩm, đặc biệt là nó thể hiện sự tài hoa, uyên bác, thiệp liệp của Miên Thẩm đối với các vấn đề về thơ văn, lịch sử văn hóa. Giọng văn thâm trầm, nhiều suy tư, đôi lúc cũng hóm hỉnh mà đầy “khẩu khí hoàng tộc” là giọng văn đặc trưng của Miên Thẩm.

- Sách có niên đại tương đối gần với thời gian sống của tác giả Miên Thẩm, nên khả năng ngụy tạo được giảm thiểu.

- Sách có xuất xứ từ Thư viện Long Cương, một địa chỉ đáng tin cậy, dưới sự chỉ đạo, xem xét của các vị quan chức, học giả Cao Xuân Dục, Cao Xuân

Tiểu, Cao Xuân Huy. Các ông không thể nào lại để lọt vào kho sách quý giá của mình một “ngụy thư”, nhất là một tác phẩm mà thời điểm sáng tác không cách thời ông quá xa, và ghi là do một người quan trọng và nổi tiếng như Miên Thẩm viết.

- Từ trước đến nay, chưa có nhà nghiên cứu nào khi nhắc đến tác phẩm này, tỏ ra nghi ngờ xuất xứ của nó, nói khác đi không có dị nghị nào về bản quyền tác phẩm. Điều đó cho thấy học giới hoàn toàn tin tưởng vào ghi chép của văn bản về tác giả. Nếu độc giả nào có tư liệu chứng minh được sự nghi ngờ đó xin được phủ chính cho.

Thứ hai, về việc vì sao *Thương Sơn thi thoại* dừng lại ở giữa thế kỷ XIX và ít được biết đến cho đến tận giữa thế kỷ XX?

Theo khảo sát của chúng tôi, đúng là sách dừng lại ở quãng giữa thế kỷ XIX, khi Miên Thẩm còn sống (khoảng 15 năm nữa). Cụ thể, các mốc thời gian trong văn bản dừng lại ở khoảng năm 1854. Tác phẩm cũng không phản ánh chút “ba động” nào của tình hình đất nước đương thời: Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng (1858), Pháp chiếm ba tỉnh Nam Kỳ, Phan Thanh Giản tự sát (1867)... Vậy, *Thương Sơn thi thoại* được hoàn thành từ khoảng 1854 đến 1870. Sách không được viết tiếp cho đến cuối đời, cũng không được xuất bản như các tập sách khác của ông. Theo chúng tôi, có lẽ, điều đó có liên quan đến các sự kiện xảy ra cuối đời Miên Thẩm. Chẳng hạn, năm 1858, giặc Pháp nổ súng ở Đà Nẵng, chính thức hóa công cuộc xâm chiếm Việt Nam. Việc này có lẽ ảnh hưởng mạnh đến Miên Thẩm, khiến ông không còn có thể sống cuộc sống tao nhã, dãi dãi trong “tháp ngà nghệ thuật” như ta thấy trong *Thương Sơn thi thoại*. Theo tiểu sử, cũng năm này,^{*} ông mua 12 mẫu ruộng ở xã Dương Xuân làm nhà ở và nơi lao động. Phải chăng ông đã thay đổi quan niệm sống? Điều đó dường như có tác động đến thơ văn của ông (như ta thấy trong *Thương Sơn thi tập*). Tuy nhiên, sự kiện đặc biệt ảnh hưởng đến cuộc sống vật chất và tinh thần của Miên Thẩm chính là cuộc khởi nghĩa Chày Vôi. Thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa này, Đoàn Hữu Trưng, chính là con rể của Miên Thẩm. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp khốc liệt. Mặc dù không có liên can, nhưng nó cũng ảnh hưởng nghiêm trọng đến ông. Miên Thẩm trời cả con gái và cháu ngoại, quỳ dâng sớ xin chịu tội. Vua Tự Đức không kết tội ông nhưng trách ông “chọn rể không cẩn thận, để mất thanh danh” và trừ bổng lộc trong tám năm. Trong thời gian đó, ông và gia đình phải tự túc làm ăn, sống ẩn dật chứ không phong lưu, rộng rãi như trước. Bản thân Miên Thẩm trở nên lạng lẽ, suy tư và có thiên hướng đi sâu vào đạo Phật. Những biến cố lớn lao như vậy có lẽ khiến cho việc viết *Thương Sơn thi thoại* (với nội dung như sẽ thấy) không còn thích hợp nữa, cuộc sống nơi “hoa viên” đã khép lại thì việc tác phẩm đi liền với nó cũng kết thúc là điều dễ hiểu. Nó đã kết thúc một cách dở dang, không lời thông báo và cũng không hẹn ngày “vấn thể”. Vì vậy, có lẽ, *Thương Sơn thi thoại* cũng chỉ mới dừng lại ở dạng bản thảo chưa hoàn kết. Sau này (1872, ông mất đã được

* Theo *Nguyễn Phúc tộc thế phả* (Nxb Thuận Hóa, Huế, 1995, tr. 292) thì Miên Thẩm mua ruộng tại Dương Xuân vào năm Giáp Dần - 1854, sau khi ông được phong tước Tùng Thiện công. BBT.

2 năm), khi em trai, em gái cùng các con ông chú thích, hiệu đính và cho khắc in thơ văn của ông (*Thương Sơn thi tập*, *Thương Sơn ngoại tập*...), phải chăng họ đã để quên tác phẩm này? Hoặc có lẽ, vì cho rằng tác phẩm này chưa hoàn thành nên họ chưa cho in? Hay tác phẩm này đã bị thất tán khỏi gia đình Miên Thẩm và đến tay Cao Xuân Dục, Cao Xuân Tiếu? Mặt khác, dường như theo thông lệ triều Nguyễn, các sách của các hoàng thân muốn in ra phải được sự đồng ý của vua. Các sách khác của Miên Thẩm phần lớn có phần “ngự chế” của Tự Đức như ngầm ý nhà vua cho phép? Vậy phải chăng sách này không được Tự Đức cho phép công bố? Có thể trong sách có những chi tiết nhạy cảm, ví như những đoạn viết về Phan Thanh Giản. Phan Thanh Giản lúc bấy giờ bị triều Nguyễn quy cho tội để mất ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ, tên của ông bị đục khỏi bia Tiến sĩ ở Văn Miếu (Huế). Phải chăng đây là một trong những nguyên do khiến tác phẩm vắng bóng trên văn đàn, chỉ lưu truyền dưới hình thức chép tay trong thư viện tư gia như trong Thư viện Long Cương của dòng họ Cao Xuân và chỉ được biết đến rộng rãi ở nửa cuối thế kỷ XX trở đi như đã nói ở trên. Dù sao chẳng nữa đó cũng chỉ là những phỏng đoán, rất khó có thể biết chắc chắn về điều đó nếu không có tư liệu tin cậy. Một lần nữa, những câu hỏi về quá trình hình thành, truyền bản văn bản dường như vẫn còn để ngỏ.

2. Sơ lược về giá trị của *Thương Sơn thi thoại*

2.1. Giá trị sử liệu

Thương Sơn thi thoại không phải là một cuốn sử, nhưng tác phẩm ít nhiều phản ánh một số chi tiết lịch sử đáng chú ý. Qua cuốn sách này, người đọc có thể biết một số hoạt động thường niên mang tính chất lễ lạt hoặc vui chơi trong cung đình nhà Nguyễn. Chẳng hạn:

- “Lễ chế triều ta, các ngày lễ hưởng tự, có khi ở trong miếu điện nào đó, thì vâng mệnh đi theo bệ trên hành lễ, ngoài thì đều phân cho các Hoàng thân đi hành lễ. Thời điểm hành lễ là vào đầu khắc 8 canh 5 [khoảng 4giờ45 phút sáng]; lệ mở cửa thành cũng chuẩn theo như thế. Mà đa phần các vị Hoàng thân đều có cơ ngơi riêng ở ngoài thành, đến ngày lễ thì mới ắt vào trong thành, rồi đều đến tụ tập ở chùa Giác Hoàng để triều cận, thường sai tăng chúng trong chùa làm cơm chay ăn.” [tờ 40a].

- “Tháng 6 mùa hạ năm Ất Tỵ (1845), ta cùng mấy anh em hộ giá vua đi chơi núi Thúy Vân. Khôn Chương đậu thuyền trên đầm Mỹ Á nhân đêm trăng mời mọi người tụ tập làm thơ.” [tờ 43a].

- “Năm Thiệu Trị thứ 6 (1846), thuyền sứ đến từ Việt Đông, dâng hoa mẫu đơn, [...], Đến đêm rằm tháng Giêng, các hoàng tử tâu xin vua ngự giá ra vườn [...], xem đèn thưởng tết. Vua sai triệu chú Kiến An, chú Diên Khánh, chú Từ Sơn, anh Thọ Xuân, anh Ninh Thuận, anh Phú Bình, cùng thân là Miên Thẩm, em Tuy Lý, Tương An, Quảng Ninh, cùng đại thần Viện Cơ Mật Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản, các bề tôi ở Đông Các là Nguyễn Văn Trường, Vũ Phạm Khải đến hầu yến. Vâng sắc lệnh cung kính họa lại thơ ngự chế của vua...” [tờ 47b].

- “Sứ bộ của quốc triều đi Yên Kinh, gồm một Chánh sứ và hai Phó sứ Giáp, Ất, cần những người phải lấy ở Lục bộ và các quán viện. Tuy lệ là ở việc đình cử, coi trọng sự đối đáp, mà cũng không tránh khỏi có lúc lấy người dự bị, có việc dự tuyển thế này thế nọ...” [tờ 50b] v.v...

Những chi tiết trên giúp cho những người nghiên cứu chế độ, văn hóa triều Nguyễn cũng như nghiên cứu về tiểu sử một số nhân vật lịch sử của triều đại này. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng giá trị này không nhiều vì quy mô tác phẩm không lớn và mục đích viết tác phẩm cũng không nhằm hướng đến việc ghi chép lịch sử.

2.2. Giá trị văn học sử

Trước hết, tác phẩm là một khối tư liệu về sáng tác thơ từ của các tác giả, chủ yếu là các tác giả Việt Nam trung đại, trong đó tập trung nhất là sáng tác của chính Miên Thẩm và những người đồng thời với ông, đặc biệt là các tác giả cung đình. Từ khối tư liệu đó, ta có thể nhặt ra được không ít những tác phẩm có giá trị văn chương (nhất là những bài thơ, bài từ khá đặc sắc). Sáng tác của một số tác giả có tiếng trước đó cũng được nhắc đến, bình phẩm và tôn vinh, như thơ của Trần Nhân Tông, Nguyễn Trung Ngạn, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Sái Thuận, Lê Ngạn Tuân, Nguyễn Cư Trinh, Nguyễn Du, Phạm Khiêm Ích, Bùi Huy Bích v.v...

Thứ hai, tác phẩm phản ánh không khí sinh hoạt văn nghệ chủ yếu trong cung đình nhà Nguyễn, trong tư thất của các hoàng thân: những hội thơ, đêm thơ, những cuộc gặp gỡ xướng họa, bình phẩm thơ ca, những thú vui tao nhã xung quanh chuyện sáng tác, những giai thoại trên thi đàn... mà trong đó hầu hết đều có sự tham gia của chính tác giả. Qua đây, chúng ta thấy được hoạt động sáng tác thơ ca chữ Hán, và đặc biệt là từ khúc đã phát triển như thế nào vào khoảng giai đoạn giữa triều Nguyễn. Đặc biệt, người nào muốn nghiên cứu từ khúc ở Việt Nam không thể không đọc tác phẩm này. Những người nghiên cứu văn học cung đình triều Nguyễn có lẽ cũng không thể bỏ qua tác phẩm như thế.⁽²⁵⁾

Thứ ba, qua *Thương Sơn thi thoại*, ta có thể biết được đôi nét về tiểu sử, tác phẩm của một số tác giả, nhất là những tác giả ở miền Trung và miền Nam như Đỗ Túc Trưng [43b], Lê Công Nhuận [46a], Lê Ngưng Phủ [45b], Vương Hữu Quang [39b], Nguyễn Quang Tiền [39b], Phan Thanh Giản, Phạm Đăng Thuật, Trương Đăng Quế, Trương Hảo Hợp... Những thông tin đó góp phần nhất định vào việc phác họa diện mạo văn học Việt Nam thế kỷ XIX, vốn chưa được nghiên cứu thực sự kỹ lưỡng.

Thứ tư, *Thương Sơn thi thoại* cũng cho ta nhiều chi tiết thú vị về các hoạt động văn học trước thời Nguyễn. Chẳng hạn, Miên Thẩm đã điểm lại khá chi tiết lịch sử hình thành và phát triển của “thi tuyển” (tuyển tập thơ ca) ở Việt Nam thời trước: “Nước Việt ta có việc tuyển thơ vốn bắt đầu từ sử thần nhà Lê là Phan Phu Tiên với tập *Việt âm [thi] tập*, kế đó là *Tĩnh tuyển [chư gia thi] tập* của Dương Đức Nhan, *Trích diễm [thi] tập* của Hoàng Đức Lương, *Toàn Việt thi*

lục của Lê Quý Đôn. Lê Quý Đôn là thầy chân truyền của Bùi Huy Bích, hiệu Tồn Am. Nay tác phẩm truyền lại của Bùi Huy Bích là *Hoàng Việt thi tuyển*, 6 quyển, chính là cuốn sách họ Bùi tóm lược sách *Toàn Việt thi lục* của Quý Đôn, lại phụ thêm thơ của chính mình vậy...” [tờ 49b - 50a]. Hay tác phẩm cho ta biết những thông tin cụ thể về Tao Đàn thời Lê Thánh Tông: “Năm Hồng Đức thứ 26 (1495) triều Lê Thánh Tông, vua làm chầu [9 bài] thơ *Quỳnh uyển cửu ca* cùng bài tựa, tự phong mình là Tao Đàn nguyên súy, Đông Các Đại học sĩ Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận làm Phó nguyên súy. Đông Các Hiệu thư Ngô Luân, Ngô Hoán; Hàn Lâm Viện Thị độc, Chuởng viện sự Nguyễn Trọng Ý; Hàn Lâm Viện Thị độc, Tham chuởng Viện sự Lưu Hưng Hiếu; Thị thư Nguyễn Quang Bật, Nguyễn Đức Huấn, Vũ Dương, Ngô Thâm; Đãi chế Ngô Văn Cảnh, Phạm Trí Khiêm, Lưu Thư Ngạn; Hiệu lý Nguyễn Nhân Bị, Nguyễn Tôn Miệt, Ngô Quyền, Nguyễn Bảo Khuê, Bùi Phổ, Dương Trực Nguyên, Chu Hoãn; Kiểm thảo Phạm Cẩn Trực, Nguyễn Ích Tốn, Đỗ Thuần Nhự, Phạm Nhu Huệ, Lưu Dịch, Đàm Thận Huy, Phạm Đạo Phú, Chu Huân, cả thấy 28 người, nối nhau họa vắn 9 bài thơ đó, lấy tên là Tao Đàn nhị thập bát tú (28 ngôi sao trên Tao Đàn)” [tờ 51a-b]. Ở đây, danh sách các thành viên của hội Tao Đàn cho đến nay vẫn còn nhiều ý kiến tranh luận chưa thống nhất.⁽²⁶⁾ Vì vậy, có thể xem những ghi chép của Miên Thắm như một tư liệu tham khảo để tiến tới thống nhất danh sách đó.

Cuối cùng, *Thương Sơn thi thoại* là một công trình khảo cứu có giá trị về một số nguồn thi liệu, điển tích, từ ngữ, thi cú, từ cú, từ điệu, thi cách,... trong sáng tác, đặc biệt là sáng tác thơ ca và từ khúc. Trước Miên Thắm, có lẽ chỉ có Lê Quý Đôn (1726-1784) làm được chút ít trong *Vân đài loại ngữ* và *Kiến văn tiểu lục*. Miên Thắm đã nối tiếp bước đi đó và bước đầu đạt được một số kết quả. Ông đã đứng ra tranh biện với cả học giả Trung Hoa về một số hiện tượng văn học. Chẳng hạn, ông biện luận về nhân vật có tên Lục Khải trong thơ lưu biệt [tờ 52a-b], biện luận về nguồn gốc của điệu từ *Quất chi* so với thơ vịnh quất [tờ 38a-b]; khảo luận về việc học tập, ảnh hưởng lẫn nhau trong từng câu thơ, bài thơ của các nhà thơ Trung Hoa và Việt Nam, khảo về lai lịch của thơ họa vắn v.v... Nhiều đoạn khảo luận khá lý thú và thấu tình, đạt lý, chẳng hạn: “Xét ‘Truyện Vương Mậu’ trong *Nam sử*, cung phi của Đông Hôn [hầu] tên là Phan Ngọc Nhi, có nhan sắc nổi tiếng cả nước [Tề], [Lương] Vũ Đế muốn giữ lại [làm phi], bèn hỏi ý kiến Vương Mậu. Mậu đáp rằng: ‘Cái làm mất nước Tề chính là thứ này đây, giữ nàng ta lại sợ rằng bên ngoài [41a] dị nghị’. Vũ Đế bèn cho Phan Ngọc Nhi ra [khỏi cung]. Quân chủ là Điền An Khải muốn xin làm vợ mình, Phan Ngọc Nhi khóc nói: ‘Xưa được gặp vị chúa đương thời, nay há lại giáng xuống cùng hạng sắt phu vô loài hay sao, chỉ có chết mà thôi, thà làm điều nghĩa chứ quyết không chịu nhục’. Kịp đến khi bị thất cổ [chết], [nàng] trông vẫn đẹp dễ, xinh tươi như khi còn sống, xe tang đẩy ra, bọn úy lại đều làm việc phi lễ. Có người lấy việc đó làm chứng cho hành động lấy cái chết để báo đáp tình nghĩa cho Đông Hôn hầu. Ta cho rằng: ‘Không phải vậy. Tuy có lời nói ‘thà làm việc nghĩa chứ quyết không chịu nhục’, nhưng có lẽ việc bị giáng xuống [làm thiếp] cùng loại sắt phu vô loài là quân chủ Điền An Khải chính là nguyên nhân [của

câu nói đó]. Nếu không có một lời ‘cái làm mất nước Tề’ của Vương Mậu chặt đứt [đường sống của Ngọc Nhi], khiến cho [Ngọc Nhi] cũng được như Dư phi và Ngô Viên, thì vị tất đã không theo ý [sắp đặt của Lương Vũ Đế]. Kẻ hiểu người mà luận việc đời, Tiêu Lâm là đúng. Nhưng [ta] cũng lấy làm quái lạ cho việc Vương Mậu có thể dung cho Ngô Viên ở bên vua, lại nhận Dư phi làm vợ mình [mà không dung cho Ngọc Nhi được sống]. Ấy là riêng tàn nhẫn với Ngọc Nhi vậy [Nguyên chú: Dư phi ban đầu được Lương Vũ Đế thu nạp làm phi của mình, sau ban cho Vương Mậu]. [tờ 40b - 41a]. Hay: “Xét: thời Lục Triều có hai Lục Khải, một là con của người anh em trong họ nhà Lục Tồn ở Đông Ngô, [ông này] tên chữ là Kính Phong; một là cháu của Lục Hưu, người Đông Ngụy, là con của Lục Phát, [ông này] tên chữ Trí Quân, là người sống trong khoảng các đời Hiếu Văn Đế và Tuyên Vũ Đế. Mà Phạm Việp là kẻ mưu phản bị tru di ở thời Tống Văn Đế. Lúc bấy giờ triều Ngụy đang là Thái Võ Đế. Từ Thái Võ Đế đến Hiếu Văn Đế cách nhau khoảng hơn 20 năm. Bởi vậy, [người làm bài thơ gởi Phạm Việp] trên thì không thể liên can đến Kính Phong, mà dưới cũng khó có chứng cứ chắc chắn nói [ông ta] là Trí Quân. Huống chi, lại có hai chữ Giang Nam trong bài thơ; Lục Khải thì ở Đại Bắc, nói tóm lại là không rời [nơi đó để xuống Giang Nam được]. Việc đúng sai của vấn đề Lục Khải đời [Bắc] Ngụy đã rõ. Gần đây, Thẩm Đức Tiềm soạn sách *Cổ thi nguyên*, liệt Lục Khải vào khoảng của Thang Huệ Hưu, Thẩm Khánh Chi, càng cho [ông] là người đời Tống [thời Lục Triều]. [Ấy là] căn cứ vào chứng cứ nào vậy? Thăng Am cho Trí Quân là người miền bắc, và đương nhiên bài thơ phải là Phạm gởi cho Lục [chứ không phải Lục gửi cho Phạm], cũng vẫn còn có chỗ nghi ngờ [chưa thuyết phục]. Ngu tôi cho rằng, sách *Tống thư* [thời Lục Triều] chép đời Nguyên Gia có người tên là Lục Huy (Vi), có khi Lục Khải là người này chăng?” [tờ 52a-b] v.v...

2.3. Giá trị tư tưởng thi học

Giá trị nổi bật của *Thương Sơn thi thoại* là về tư tưởng thi học. Trước *Thương Sơn thi thoại*, ở nước ta có rất ít công trình chuyên bàn về thơ. Các ý kiến bàn về thơ trước đó chủ yếu được lồng vào các lời bình, các bài tựa, bài khảo, các ghi chép tản mạn, ký chú v.v... trong các tập sách, tập thơ. Đến *Thương Sơn thi thoại*, nhiều vấn đề về thơ ca đã được đề cập dưới nhiều góc độ, từ các góc độ giàu tính lý luận như quan hệ giữa thơ và nhạc, vấn đề âm luật thơ, vấn đề học tập tiền nhân, ý tưởng thơ, hiện tượng “nhập thần”, “hứng hội”, các lý thuyết thi học đương thời,... đến những góc độ cụ thể thuộc phép làm thơ như sử dụng điển cố, dùng chữ, đặt câu, v.v... Đáng chú ý ở đây là những vấn đề có tính lý luận.

Về vấn đề quan hệ giữa thơ và nhạc, âm luật trong thơ, Miên Thẩm đã khẳng định khá nhất quán: “Kẻ không hiểu thơ là do [không hiểu] nhạc vậy. Ngâm thơ mà mắc ở cổ họng, tức [thơ đó] không hợp với nhạc. Vẫn còn đó việc trích dẫn trong cách thơ mang tên *Nguyên tỳ bà*, [cách này] vốn có các thanh ‘tứ, thượng, công, lục’, nhưng rối rắm vụng về, nông sâu không thích đáng bởi vì âm luật không điều hòa. Kẻ làm thơ há lại có thể hiểu biết lỗ mỗ về âm luật chăng?” [tờ 37a]. Như vậy, có thể thấy Miên Thẩm rất đề cao “tính nhạc” cũng

như âm luật thơ. Đây là hồi quang của không khí đề cao âm nhạc trong thơ thời Nguyễn. Không chỉ có Miên Thẩm, những người cùng thời với ông như Phạm Đình Hổ, Miên Trinh, Cao Bá Quát...⁽²⁷⁾ cũng có chung tư tưởng. Có thể nói, chưa bao giờ âm nhạc trong thơ lại được đề cao như vậy. Sự đề cao âm nhạc ở Miên Thẩm, Miên Trinh và các tác giả thời Nguyễn còn do sự thịnh hành từ khúc (cũng như một số loại hình diễn xướng văn nghệ như tuồng, ca trù...) thời bấy giờ. Từ khúc vào Việt Nam từ khá sớm, ngay từ buổi đầu độc lập, nhưng phải đến cuối thời Lê, đầu thời Nguyễn mới được quan tâm sáng tác nhiều.⁽²⁸⁾ *Thương Sơn thi thoai* cũng dành khá nhiều “điều” nói về thể loại này (có thể gọi là những đoạn “từ thoai”). Đây cũng là một điểm độc đáo của *Thương Sơn thi thoai*.

Về vấn đề “nhập thần”, “hứng hội”, Miên Thẩm hết sức chú ý. Bàn về thơ, Nghiêm Vũ (đời Tống) trong *Thương Lang thi thoai* từng nói: “Thơ có chỗ hay nhất là nhập thần” (*thi hữu cực trí giả, nhập thần dã*). Miên Thẩm tán thành quan điểm đó. Không ít lần bình điểm thơ cổ kim, ông dùng tiêu chí này để đánh giá độ hay dở. Chẳng hạn, đọc thơ Đỗ Phủ, ông viết: “Ta mỗi khi đọc bài *Xa công*, biết quy mô của nó hoàn hảo, xa rộng, khí tượng hùng tráng, khoáng đạt, không gì là không đạt được, trở thành một sự độc đáo riêng biệt vậy. Huống chi, nghe chỗ vô thanh, tạo lời cực kỳ đơn giản... Thực chất phác thay bậc quân tử, [vì thế mà thơ ông] trở thành tập đại thành vậy” [tờ 49a]. Hay nhận xét về hai câu thơ của mình “*Tịch dương minh tế vũ / Lạc diệp sai cô chu*” (Ánh chiều tà rọi sáng cơn mưa nhỏ / Lá rơi nằm phoir trên chiếc thuyền đơn), Miên Thẩm cũng viết: “Ngẫu nhiên mà làm được [câu thơ hay], tự cho là “tả cảnh nhập thần” (đi vào chỗ thần tình khi tả cảnh vật), mà chữ “minh”, chữ “sai” ngỡ rằng không phải dùng sức người mà có được vậy” [tờ 49a-b]. Nói đến vấn đề “nhập thần” hay “hứng hội” cũng là nói đến vấn đề “tính chân thực” của cảm xúc thơ, “nhập thần” chính là sự thăng hoa của cảm xúc chân thực. Bởi vậy, đối với Miên Thẩm, cái hay của thơ không phụ thuộc vào đề tài mà phụ thuộc vào tính chân thực của cảm xúc. Bình những bài thơ du tiên của thi hữu, ông cho rằng: “Tuy nhất thời nói đến việc du hý chốn thiên tiên, không câu nệ ở sự ‘hại vật’, nhưng thanh tình, khí vận không một chỗ nào là bỏ đi cả, nhất thiết mỗi bài đều tả cái chân. Bọn [họa sĩ như] Chu Phưởng thực không thể trông chờ được một mảy may. Cái gọi là ‘trong chỗ đen tối mà tả được màu trắng, cũng là kẻ hiểu biết’, là như thế đó” [tờ 39b] v.v... Theo nhiều nhà nghiên cứu, những ý kiến bàn về vấn đề này của Miên Thẩm có bóng dáng của thuyết “thần vận”, “cách điệu”, “tính linh”,... phổ biến trong thi học thời Minh-Thanh.⁽²⁹⁾ Quả đúng là như vậy nếu đặt *Thương Sơn thi thoai* trong hệ thống tư tưởng thi học của Miên Thẩm. Và dấu ấn ảnh hưởng cụ thể thế nào, theo hướng nào thì còn phải tiếp tục nghiên cứu, thảo luận, nhưng trong *Thương Sơn thi thoai*, rõ ràng Miên Thẩm đã trích dẫn, bàn bạc, tranh luận không ít về tư tưởng thi học của các học giả thời Minh-Thanh (như Dương Thận, Thi Nhuận Chương, Viên Mai, Triệu Dục, Thẩm Đức Tiềm, Vương Sĩ Trinh, Hoàng Phác v.v...). Ông cũng đã giới thiệu và truyền bá những tư tưởng của họ đến thi đàn trong nước theo những cách khác nhau. Và như vậy, chỉ ít *Thương Sơn thi thoai* đã vượt các tư liệu thi học trước đó về độ “cập nhật” các tư tưởng thi học nước ngoài/khu vực.

Về vấn đề học tập tiền nhân, Miên Thẩm bàn bạc khá kỹ lưỡng. Ông khẳng định kế thừa tiền nhân là một quy luật phổ biến: “[phàm một cái gì đó] chẳng luận hay dở, đều có người trước dẫn đường” [tờ 41a]. Tuy nhiên, đối với Miên Thẩm, kế thừa phải có sáng tạo: “Cái mới của thơ, có khi là do dùng lại lời của cổ nhân có sửa đổi đi một hai chữ mà càng mới” [54a]. Bởi vậy, ông phê phán gay gắt việc kế thừa người xưa một cách sáo mòn, không chân thực. Ông gọi đó là hiện tượng “hư ngôn” (nói suông, nói hão). Bởi vì: “Nhận và tuyết nước Nam ta không hề có. Mọi người cho rằng đó là hai chữ hay nên phần lớn thường dùng. Không biết rằng ‘hư ngôn’ rốt cuộc cũng nào có ích gì! Ta thường lấy việc đó ra để cảnh báo những người bạn, có người nghe, có người không nghe. Có lẽ cái thói quen đó đã làm biến đổi người ta từ lâu rồi” [tờ 49b]. Ông còn khẳng định: “đại để, người làm thơ chuyên chọn những cảnh trí đẹp để, thích hợp với mình, không nhất thiết phải câu nệ vào chương cú” [tờ 49a] v.v... Những ý kiến đó thực xác đáng. Tuy nhiên, cũng có những chỗ ông cổ vũ nhiều việc học tập tiền nhân mà phản đối việc tạo ra cái mới (nhất là cái mới mà ông cho là “tục”, không nhã) như những lời ông phê phán Viên Mai, Triệu Dục và những người có cùng khuynh hướng với họ. Chẳng hạn, ông phê bình Viên Mai, Triệu Dục: “Cái mới của thơ, có khi là dùng lời cổ nhân phiên cải đi một hai chữ mà càng mới. Bọn Viên Mai, Triệu Dục không thể biết điều này, [lại] chuyên ưa tìm chọn những chuyện tục mà người ta không thèm nói đến rồi lại tự khoe khoang với nhau. Những chuyện đó không phải lời cổ nhân chưa đề cập, nhưng [cổ nhân] chán ghét sự thô thiển của nó mà không dùng vậy. Tuy nhiên, xét thi tập của hai nhà, cũng nào từng ra ngoài lời của cổ nhân. Việc ấy là do kiến văn không rộng rãi mà [cứ tưởng là mới vậy] thôi. Vân Tùng từng có câu rằng: [Nguyên chú: ‘Khuyết’]. Lời lẽ [câu thơ] thật què mùa, thiển cận làm sao! Đáng lấy muôn cốc nước thơm mà tẩy rửa đi. Có hạng người theo đuổi cái thứ dơ bẩn, vốn không có học thuật gì, ôm *Âu Bắc tập* làm bí quyết gối đầu giường [để bắt chước theo], muốn lấy cái sự mới lạ, khéo léo để tranh đấu với người. Anh ta khoe với ta rằng: ‘Thơ của Vân Tùng có câu: *‘Dương Hồ bi nhưng lưu Hiện Thủ, Mã Viện công vị cánh Hồ Đầu’* (Bia của Dương Hồ, vẫn còn lưu ở núi Hiện Thủ, công lao Mã Viện chưa trọn ở núi Hồ Đầu) há lại không mới lạ mà khéo léo ư?’

“Ta đáp: ‘Câu ‘Mã Viện Hồ Đầu, Dương công Hiện Thủ’ (Mã Viện ở núi Hồ Đầu, Dương công ở núi Hiện Thủ), thấy ở sách *Sự loại phú* [của Ngô Thục]. Ngô Thục chưa từng đương thời với họ Triệu, chỉ có Vân Tùng theo sau mà tìm [học ở sách của Ngô Thục] thôi’ [tờ 54a]; ‘Việc lấy điều mới lạ tự khoe khoang [của Trương Tịch] cũng giống như bọn Vân Tùng, Tử Tài, đặc biệt là khi chưa gặp nhà sư kia xướng lên [câu thơ gốc] vậy’ [tờ 55a] v.v... Tất cả những điều này dường như phản ánh dấu ấn của thuyết “cách điệu” mà Miên Thẩm và các nhà thơ hoàng phái nhà Nguyễn có chịu ảnh hưởng bên cạnh thuyết thần vận. Sau này, Cao Bá Quát sẽ đại diện cho khuynh hướng bị phê phán để tranh luận lại với Miên Thẩm và những người đồng chí với ông và điều chỉnh lại những quan niệm đó cho xác đáng hơn trong lời “hậu tự” viết cho *Thương Sơn thi tập* của chính Miên Thẩm.⁽³⁰⁾ Song le, dù ta có đồng ý với những quan điểm đó hay không thì cũng phải thấy rằng Miên Thẩm đã đưa được không khí tranh luận, bút chiến về quan điểm thơ ca của các lý thuyết đương thịnh hành lúc bấy giờ

ở Trung Hoa vào thi học Việt Nam tạo nên luồng gió mới kích thích các luồng tư tưởng thi học phát triển sôi động, đa dạng hơn.

Các vấn đề khác như việc dùng từ, đặt câu, chú giải, đặt điệu khúc,... cũng là những nội dung thi học thú vị cho những ai quan tâm đến thi học cổ.

Có thể nói, những ý kiến bàn về thơ từ của Miên Thẩm trong *Thương Sơn thi thoai* tuy không hoàn toàn mới mẻ và phong phú nhưng có tính tập trung, tính tổng kết và cập nhật, góp phần bù đắp những khuyết thiếu về lý luận của nền thi học Việt Nam trung đại vốn không quá dày dặn, hệ thống. Đây là giá trị quan trọng vào bậc nhất của tác phẩm. Và vì thế, *Thương Sơn thi thoai* có một vị trí quan trọng trong lịch sử tư tưởng thi học Việt Nam, trở thành “thành quả lớn của thi học cổ Việt Nam” như hai vị học giả Trung Quốc đã đánh giá.

2.4. Một vài hạn chế của *Thương Sơn thi thoai*

Bên cạnh những giá trị đã nêu, *Thương Sơn thi thoai* cũng có một số hạn chế nhất định. Chẳng hạn, về mặt quy mô, độ dài tác phẩm còn khá khiêm tốn (trong tương quan với các thi thoai Trung Hoa và các phần trước tác khác của chính tác giả). *Thương Sơn thi thoai* chỉ mới dừng ở giai đoạn bản thảo, chưa được biên soạn hoàn chỉnh, nên càng về cuối tác phẩm càng có phần chệch choạc, thiên về ghi chép “thô”. Về mặt tính chất thể loại, tác phẩm vẫn nặng về ghi chép tản mạn các sự kiện, sinh hoạt chủ yếu là của cá nhân tác giả và thi hữu, ít tính lý luận, khái quát. Xét cho thật chặt chẽ thì tác phẩm này thiên về thể tùy bút, ghi chép hơn là “thi thoai”. Chính vì thế, trong bài báo “Việt Nam cổ đại thi học thuật lược” (Lược thuật về thi học cổ Việt Nam), hai tác giả Trung Quốc Vương Tiểu Thuần và Hà Thiên Niên đã xếp tác phẩm này vào thể loại bút ký.⁽³¹⁾ Trước đó, nhà nghiên cứu Nguyễn Lộc cũng đã cho rằng: “Tập *Thương Sơn thi thoai* của Miên Thẩm viết vào cuối giai đoạn cũng chỉ là một tùy bút về thưởng thức văn học mà thôi”.⁽³²⁾ Về mặt nội dung tư tưởng, *Thương Sơn thi thoai* cũng hàm chứa một số ý kiến bảo thủ, thiên kiến đứng trên lập trường của nhóm thơ cung đình, dài các (như những lời phê bình Viên Mai, Triệu Dục và những người cùng khuynh hướng với họ như đã dẫn ở trên); hay ý kiến phê bình Lê Thánh Tông và hội Tao Đàn có phần “nặng lời”, thiên kiến như sau: “Vua tôi công kên nhau, què mùa không thể nói hết” [tờ 51b]; hoặc những lời phê bình có phần nặng nề đối với Lê Quý Đôn: “Lê Quý Đôn, hiệu Quế Đường cậy mình thông minh, văn chương nổi tiếng ở đời. Nhưng trong tập thơ của ông ta ít có bài thơ hợp cách. [Ông ta] từng có bài thơ dâng vua Thanh nhân dịp sang sứ Yên Kinh, trong đó có câu rằng: *Hán gia hoàng đế hiền thiên tử/ Tệ quốc bồi thân tiện hữu ty* (Hoàng đế nhà Hán vốn là thiên tử hiền minh/ Bồi thân nước nhỏ chúng tôi giữ chức tước hèn). Có mấy câu thơ mà cũng khó làm xong!” [51a], v.v...

Tóm lại, dù có một số hạn chế nhất định, *Thương Sơn thi thoai* là một văn bản quý trong kho sách Hán Nôm Việt Nam. Cùng với những *Chương Dân thi thoai* (Phan Khôi), *Thi từ tùng thoai*, *Việt ngâm thi thoai*, *Tục Việt ngâm thi thoai* (Huỳnh Thúc Kháng)... sau này, tác phẩm bù đắp phần nào

sự vắng bóng của loại hình thi thoại ở Việt Nam, góp phần cho nó một lịch sử hình thành và phát triển.⁽³³⁾ Trong lĩnh vực văn học, muốn nghiên cứu tư tưởng thi học Việt Nam nói riêng và tư tưởng văn học Việt Nam trung đại nói chung cũng như nghiên cứu dòng văn học cung đình triều Nguyễn thì có lẽ không thể không đọc *Thương Sơn thi thoại*. Ngoài ra, tùy từng lĩnh vực khoa học, tác phẩm sẽ có những giá trị nhất định mà chúng tôi chưa dự liệu hết. Vì vậy, xin trân trọng được giới thiệu cùng bạn đọc bản dịch toàn văn *Thương Sơn thi thoại* sau đây. Vì khả năng có hạn của người dịch, việc dịch thuật, chủ dẫn chắc chắn không tránh khỏi những khiếm khuyết, rất mong được độc giả lượng thứ và chỉ chính cho để khi có điều kiện xuất bản tiếp sau, bản dịch sẽ được hoàn thiện hơn.

Hà Nội, năm 2007 - 2015

N T T

CHÚ THÍCH

- (1) Tất nhiên, có một số tác phẩm trong văn học Trung đại Việt Nam, tuy mang tên là thi thoại nhưng thực chất chỉ là những “thi tập”, “thi tuyển” như: *Thức Hiên thù tặng thi thoại* (Phan Thức Hiên soạn năm 1777) (A. 2148); *Việt hành thi thoại* [hoặc *Mân hành thi thoại*] (Lý Văn Phúc, soạn năm 1833) (A. 300, A. 2685...); *Ngô Sào thi thoại* (Ngô Thì Hoàng) trong bộ *Ngô gia văn phái* (VHv.1743/1-36). Có thể dự đoán, điều này do bản thảo còn lại đến ngày nay đã mất đi phần “thoại”, chỉ còn phần “thi”, nhưng cũng có thể là, người xưa quan niệm trong “thi” đã có yếu tố “thoại” rồi và họ cũng không có ý thức về một thể loại chuyên biệt là “thi thoại”. Dẫu sao điều đó cũng cho thấy, ý thức về “thi thoại” ở Việt Nam không rõ ràng và khá muộn.
- (2) Xem Vương Tiểu Thuần và Hà Thiên Niên, “Việt Nam cổ đại thi học đích thực quả - *Thương Sơn thi thoại*”, in trong sách *Trung Quốc thi học* (tập 9, Tưởng Dân chủ biên, Nhân dân văn học xuất bản, 2004) (tiếng Trung).
- (3) *Thế thuyết tân ngữ bổ*, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu VHv.105.
- (4) Cao Xuân Dục tự Tử Phát, hiệu Long Cương, Cổ Hoan Đông Cao, đỗ Cử nhân năm 1876, làm quan đến Tổng tài Quốc Sử Quán, Thượng thư Bộ Học, Phụ chính đại thần, Đông Các Đại học sĩ... Ông là người sáng lập Thư viện Long Cương nổi tiếng, tàng chứa nhiều sách vở; là cha của Cao Xuân Tiếu, ông nội Cao Xuân Huy, cụ nội Cao Xuân Hạo. Tác phẩm của ông có *Quốc triều khoa bảng lục*, *Quốc triều hương khoa lục*, *Đại Nam dư địa chí ước biên*, *Quốc triều luật lệ toát yếu*...
- (5) Lưu Ngọc Quân, “Góp ý bản về Việt Nam Hán Nôm văn hiến mục lục đề yếu” (Đinh Văn Minh dịch), tạp chí *Hán Nôm*, số 2 năm 2006, tr. 76-77.
- (6) Xem Ngô Đức Thọ, *Nghiên cứu chữ hý Việt Nam qua các triều đại*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1997.
- (7) Nguyễn Miên Thẩm, *Thương Sơn ngoại tập*, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu VHv. 119/1-8.
- (8) Nguyễn Miên Thẩm, *Thương Sơn thi tập*, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.1496/1-2.
- (9) Phan Khôi, *Chương Dân thi thoại*, (in lần thứ nhất), Nhà in Đắc lập, Huế, 1936, tr. 121-122.
- (10) Nguyễn Văn Hoàn, “Mấy ý kiến nhân đọc *Trần Thanh Mại toàn tập*”, tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 4 năm 2005.
- (11) Xem thêm: Nguyễn Huệ Chi, “Trao đổi cùng Nguyễn Văn Hoàn”, đăng trên website *Talawas*, năm 2005 sau bài của Nguyễn Văn Hoàn.
- (12) Ban Hán Nôm, *Thư mục Hán Nôm*, 9 tập, in ronéo, 1969-1973.

- (13) Xin xem Cao Xuân Huy, *Tư tưởng phương Đông - gọi những điểm nhìn tham chiếu*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995.
- (14) Đỗ Đức Hiểu, Phùng Văn Tửu (chủ biên), *Từ điển văn học*, Tập 2, mục từ “Nguyễn Miên Thẩm”, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1984.
- (15) Vương Tiểu Thuần, Hà Thiên Niên, “Việt Nam cổ đại thi học thuật lược”, tạp chí *Văn học bình luận*, số 5 năm 2002, tr. 20-25 (tiếng Trung).
- (16) Xem Vương Tiểu Thuần và Hà Thiên Niên, “Việt Nam cổ đại thi học đích thực quả - *Thương Sơn thi thoại*”, in trong sách *Trung Quốc thi học* (tập 9, Tưởng Dẫn chủ biên, Nhân dân văn học xuất bản, 2004) (tiếng Trung).
- (17) Nguyễn Đình Phúc, “Nguyễn Miên Thẩm dữ thần vận thi học” 《阮綿審與神韻詩學》, *Ngoại vực Hán tịch nghiên cứu tập san*, Trung Hoa thư cục xuất bản, 2006, tr. 265-287 (tiếng Trung).
- (18) Nguyễn Đình Phúc, “Về bài *Tự tự* trong *Tĩnh Phố thi tập* của Miên Trinh”, tạp chí *Hán Nôm*, số 2 năm 2006, tr. 47-48.
- (19) Nguyễn Đình Phúc, “Ảnh hưởng của thuyết thần vận đời Thanh vào lý luận thơ ca chữ Hán triều Nguyễn”, *Kỷ yếu Hội nghị khoa học Nghiên cứu Hán Nôm và văn hóa Việt Nam*, Khoa Văn học và Ngôn ngữ, Trường ĐH KH&XH&NV, Đại học Quốc gia TP HCM, 2009.
- (20) Nguyễn Thanh Tùng, “Vài nét về văn bản và giá trị của *Thương Sơn thi thoại*”, tạp chí *Hán Nôm*, số 3 năm 2007, tr. 33-40. Bài giới thiệu ở đây kế thừa phần lớn từ bài viết này và có những sự chỉnh sửa, cập nhật cần thiết.
- (21) Nguyễn Thanh Tùng, “Vài nét về thuyết tính linh trong tư tưởng thi học Việt Nam thời Trung đại”, tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 1 năm 2008, tr. 108-115.
- (22) Xem Nguyễn Thanh Tùng, “Lược khảo về thi thoại Việt Nam”, đặc san *Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, năm 2008, tr. 67-74.
- (23) Nguyễn Thanh Tùng, *Sự phát triển tư tưởng thi học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2010.
- (24) Trịnh Bá Đình (chủ nhiệm), *Lịch sử lý luận và phê bình văn học Việt Nam*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Viện Văn học, Hà Nội, 2007-2009.
- (25) Về dòng văn học cung đình, xin xem Trần Nho Thìn, “Văn học cung đình và văn học thành thị ở Thăng Long”, tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 10 năm 2010.
- (26) Xem Mai Xuân Hải, Bùi Duy Tân, “Lại bàn về Hội Tao Đàn”, tạp chí *Hán Nôm*, số 2 năm 1997.
- (27) Xem Đỗ Văn Hỷ (biên dịch), *Người xưa bàn về văn chương*, tập 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993; Nguyễn Minh Tấn (chủ biên) *Từ trong di sản*, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội, 1984; Phan Trọng Thuồng, Nguyễn Cừ (... tuyển chọn), *10 thế kỷ bàn luận về văn chương*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007 v.v...
- (28) Xem Phạm Văn Ảnh, “Vài nét phác về thể loại từ ở Việt Nam”, tạp chí *Hán Nôm*, số 4/2009.
- (29) Nguyễn Đình Phúc, “Nguyễn Miên Thẩm dữ thần vận thi học”, Bđd; Vương Tiểu Thuần, Hà Thiên Niên, “Việt Nam cổ đại thi học thuật lược”, Bđd; Nguyễn Thanh Tùng, *Sự phát triển tư tưởng thi học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX*, Tlđd v.v...
- (30) Xem Nguyễn Thanh Tùng (2008), “Vài nét về thuyết tính linh trong tư tưởng thi học Việt Nam thời trung đại”, Tlđd.
- (31) Vương Tiểu Thuần, Hà Thiên Niên, “Việt Nam cổ đại thi học thuật lược”, Bđd.
- (32) Nguyễn Lộc, *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 2004, tái bản, tr. 30.
- (33) Xem Nguyễn Thanh Tùng, “Lược khảo về thi thoại Việt Nam”, Bđd.